TRƯỜNG ĐH ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐH NĂM 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 18 tháng 10 năm 2017

BIÊN BẢN ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG NĂM 2017

Đại học liên thông VLVH từ trung cấp ngành Điều dưỡng liên kết đặt lớp tại Vĩnh Phúc

ƯU TIÊN		*Khu vực 3*	*Khu vực 2*	*Khu vực 2NT*	*Khu vực 1*	**TỔNG**
Không ưu tiên	*Điểm trúng tuyển*	*17.0*	*16.5*	*16.0*	*15.5*	
	Số người đạt điểm TT		**2**	**3**		**5**
Ưu tiên 2	*Điểm trúng tuyển*	*16.0*	*15.5*	*15.0*	*14.5*	
	Số người đạt điểm TT		**20**	**13**	**7**	**40**
Ưu tiên 1	*Điểm trúng tuyển*	*15.0*	*14.5*	*14.0*	*13.5*	
	Số người đạt điểm TT					
TỔNG SỐ NGƯỜI ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN			**22**	**16**	**7**	**45**

TM.HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Vũ Văn Thành

TRƯỜNG ĐH ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐH NĂM 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐH LIÊN THÔNG VLVH TỪ TRUNG CẤP NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG - LIÊN KẾT ĐẶT LỚP TẠI VĨNH PHÚC

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú		Đối tượng	Khu vực	Mã ngành	GP-SL	Chuyên môn	Toán	Tổng điểm
1	1	Nguyễn Thị Anh	Nữ	20/12/1979	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	6.25	7.25	5.00	20,50
2	2	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	10/06/1996	Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc		2NT	V300501	5.50	7.00	5.50	19,00
3	4	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	10/08/1991	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc		2	V300501	5.00	6.75	5.00	17,50
4	11	Trần Thị Cúc	Nữ	13/11/1986	Huyện Sóc Sơn	TP Hà Nội	07	2	V300501	7.75	8.75	5.50	23,50
5	12	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	01/01/1977	Huyện Lập Thạch	Vĩnh Phúc	07	1	V300501	6.75	7.25	5.00	21,50
6	16	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	20/01/1986	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	7.75	9.00	6.50	25,50
7	18	Ngô Trịnh Thuỳ Dương	Nữ	02/08/1994	Huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc		2NT	V300501	5.00	7.00	6.25	19,50
8	20	Phạm Thị Dự	Nữ	02/04/1985	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	07	1	V300501	5.50	7.00	5.00	20,00
9	24	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	14/11/1980	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	8.25	8.50	7.25	25,50
10	33	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	14/06/1989	Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	6.50	7.25	5.25	20,50
11	34	Phạm Thị Hằng	Nữ	15/12/1984	Huyện Đông Anh	TP Hà Nội	07	2	V300501	7.50	8.00	6.75	24,00
12	37	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	02/04/1985	Huyện Đông Anh	TP Hà Nội	07	2	V300501	5.50	5.00	6.00	18,00
13	39	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	10/01/1981	Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	8.50	9.25	5.50	25,00
14	41	Nguyễn Thị Thu Hoà	Nữ	01/10/1975	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	06	2NT	V300501	8.25	9.00	5.25	24,50
15	47	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	03/06/1983	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	6.50	8.50	6.00	23,00
16	48	Phạm Văn Hùng	Nam	12/06/1987	Huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	8.50	8.25	7.25	26,00
17	50	Trần Duy Hưng	Nam	15/07/1980	Huyện Mê Linh	TP Hà Nội	07	1	V300501	7.00	6.75	5.00	21,50
18	60	Trần Thị Thanh Lan	Nữ	09/09/1987	Huyện Đông Anh	TP Hà Nội	07	2	V300501	5.00	5.25	5.00	17,00
19	63	Phạm Thị Liên	Nữ	21/01/1985	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	8.25	9.00	6.00	25,50
20	65	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ	16/01/1988	Quận Ba Đình	TP Hà Nội	07	1	V300501	5.00	8.75	5.00	21,50
21	66	Phùng Mạnh Linh	Nam	25/10/1988	Huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	5.25	7.75	5.00	19,50
22	69	Trần Thị Mai	Nữ	20/10/1983	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	07	1	V300501	7.50	8.50	7.75	26,50

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú		Đối tượng	Khu vực	Mã ngành	GP-SL	Chuyên môn	Toán	Tổng điểm
23	70	Phùng Thị Mai	Nữ	25/09/1990	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	5.25	7.00	6.00	20,00
24	71	Trần Quý Minh	Nam	23/05/1993	Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc		2NT	V300501	7.00	5.75	6.50	20,50
25	73	Nguyễn Văn Nam	Nam	10/08/1986	Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	7.50	8.50	5.50	23,50
26	75	Nguyễn Hằng Nga	Nữ	11/12/1988	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	8.00	7.25	5.00	22,00
27	76	Đào Thị Ngân	Nữ	09/02/1988	Huyện Tam Đảo	Vĩnh Phúc	07	1	V300501	5.25	7.75	5.00	20,50
28	77	Lê Thị Ngân	Nữ	18/09/1989	Huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	6.25	8.50	6.25	23,00
29	78	Triệu Đại Nghĩa	Nam	01/06/1988	Huyện Lập Thạch	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	5.50	7.00	5.50	20,00
30	82	Trần Thị Nguyệt	Nữ	10/09/1985	Huyện Mê Linh	TP Hà Nội	07	2	V300501	8.00	9.25	5.75	24,50
31	84	Nguyễn Thị Nhị	Nữ	15/08/1987	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	5.00	6.25	7.00	20,50
32	87	Nghiêm Thị Hường Nhung	Nữ	22/12/1984	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	8.00	9.50	8.75	28,00
33	92	Đỗ Văn Phương	Nam	09/09/1984	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	06	2	V300501	6.50	5.75	6.00	20,00
34	94	Lê Thị Minh Phượng	Nữ	04/04/1984	Huyện Đông Anh	TP Hà Nội	07	2	V300501	6.75	8.50	6.25	23,00
35	98	Vũ Thị Tắc	Nữ	14/04/1987	Huyện Mê Linh	TP Hà Nội	07	2	V300501	6.00	6.25	5.75	19,50
36	102	Phan Thị Phương Thảo	Nữ	30/03/1980	Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	8.00	8.00	5.75	23,50
37	103	Lê Thị Thi	Nữ	24/04/1985	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	8.00	8.25	6.00	25,50
38	105	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	22/10/1981	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	6.00	7.00	5.25	20,00
39	113	Phùng Thanh Thuý	Nữ	10/07/1988	Huyện Vụ Bản	Nam Định	07	2	V300501	5.50	7.00	7.75	22,00
40	121	Mạch Thị Trang	Nữ	01/12/1984	Thành phố Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	8.25	9.00	8.00	27,00
41	124	Nguyễn Thị Trâm	Nữ	24/01/1993	Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc		2	V300501	7.00	8.75	8.00	24,50
42	125	Vũ Văn Trường	Nam	05/01/1981	Huyện Thanh Trì	TP Hà Nội	07	2NT	V300501	7.50	9.00	6.75	25,50
43	128	Kiều Thị Tuyết	Nữ	14/06/1987	Quận Tây Hồ	TP Hà Nội	07	1	V300501	8.25	9.25	6.75	27,00
44	131	Vương Thị Vy	Nữ	15/02/1987	Huyện Lập Thạch	Vĩnh Phúc	07	2	V300501	6.00	7.75	5.50	21,00
45	135	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	05/11/1983	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	07	2NT	V300501	6.25	7.75	5.50	21,50

Nam Định, ngày 18 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Trần Trung Dũng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Thành